

**BÁO CÁO**  
**Tình hình quản trị công ty**  
**(6 tháng năm 2025)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**
- Địa chỉ trụ sở chính: số 150 đường 14 tháng 9, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại: 02703 822533 Fax: 02703.822129
- Vốn điều lệ: 730.410.300.000 đồng
- Mã chứng khoán: DCL
- Mô hình quản trị công ty:
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định                                                  | Ngày       | Nội dung                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ | 25/04/2025 | Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"):**

| Stt | Thành viên HĐQT      | Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                      |                                                                     | Ngày bổ nhiệm                                          | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Nguyễn Văn Sang  | Chủ tịch HĐQT, người ĐDTPL                                          | 14/06/2022                                             |                 |
| 2   | Ông Nguyễn Ninh Dũng | Thành viên HĐQT không điều hành                                     | 14/06/2022                                             |                 |
| 3   | Bà Bùi Hồng Hạnh     | Thành viên HĐQT không điều hành                                     | 14/06/2022                                             |                 |
| 4   | Nguyễn Ngọc Mai      | Thành viên HĐQT không điều hành                                     | 25/04/2024                                             |                 |
| 5   | Ông Phạm Văn Ngọc    | Thành viên HĐQT độc lập                                             | 25/04/2024                                             |                 |

**2. Các cuộc họp HĐQT:**

| Stt | Thành viên HĐQT      | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Văn Sang  | 08/08                    | 100%              |                         |
| 2   | Ông Nguyễn Ninh Dũng | 08/08                    | 100%              |                         |
| 3   | Bà Bùi Hồng Hạnh     | 08/08                    | 100%              |                         |
| 4   | Nguyễn Ngọc Mai      | 08/08                    | 100%              |                         |
| 5   | Ông Phạm Văn Ngọc    | 08/08                    | 100%              |                         |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:**

- Các cuộc họp HĐQT với nội dung chủ yếu là triển khai thực hiện những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự chủ chốt và các nội dung thuộc thẩm quyền, tình hình sản xuất kinh

doanh, chiến lược phát triển công ty..., đồng thời Chủ tịch hợp cùng với Ban Tổng Giám đốc về chiến lược phát triển sản phẩm mới, chiến lược kinh doanh, đầu tư cho sản xuất, thông qua OGSM, ngân sách hoạt động trong năm.

- Để đạt được hiệu quả hoạt động tối ưu, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ đến các thành viên HĐQT. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và tâm huyết vì lợi ích của công ty.
- Tuân thủ việc công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu đối với công ty niêm yết đầy đủ và kịp thời. Chú trọng đến lợi ích của cổ đông, cung cấp thông tin cho cổ đông theo quy định.
- Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, linh hoạt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước, của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Điều lệ Công ty. Tập trung vào các vấn đề sau:
  - Triển khai nghiên cứu sản phẩm mới cho dự án nhà máy EU-GMP Long An; Nhà máy Thiết bị y tế Benovas bổ sung thêm các sản phẩm có chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; Nâng cấp Nhà máy Nonbetalactam tại Vĩnh Long đạt tiêu chuẩn EU-GMP;
  - Kế hoạch đầu tư phát triển các sản phẩm Công nghệ sinh học theo định hướng phát triển công nghiệp Dược trong nước theo xu hướng hiện đại và được nhà nước quan tâm, khuyến khích đầu tư và ưu đãi;
  - Tăng danh mục sản phẩm nhập khẩu thông qua đàm phán, chuyển giao hay phân phối độc quyền với các đối tác nước ngoài để tham dự thầu ETC cho các nhóm thuốc đặc trị, chất lượng cao;
  - Đẩy mạnh kinh doanh nhóm hàng chiến lược, các sản phẩm có doanh thu lớn, lợi nhuận gộp cao;
  - Tối ưu hoá công suất của các nhà máy nhằm tiết giảm chi phí sản xuất;
  - Quản lý tài chính hiệu quả, kiểm soát chi phí theo kế hoạch ngân sách được phê duyệt;
  - Đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, tinh gọn, hiệu quả.

#### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Hội đồng quản trị công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

#### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (6 tháng):

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định      | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                            | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT  | 06/01/2025 | Về việc không thu hồi ESOP                                                                                                                                          | 100%            |
| 2   | Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT  | 06/01/2025 | Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện dự án EU-GMP UT Long An                                                                                                     | 100%            |
| 3   | Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐQT  | 28/02/2025 | Về việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2025                                                                                                                            | 100%            |
| 4   | Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐQT  | 29/04/2025 | Về việc miễn nhiệm chức vụ TGD kiêm người ĐDPL đối với ông Nguyễn Văn Bản, bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thu Hương giữ chức vụ TGD kiêm người ĐDPL, hiệu lực từ 01/05/2025 | 100%            |
| 4.1 | Quyết định số 04A/2025/NQ-HĐQT | 29/04/2025 | Về việc miễn nhiệm chức vụ TGD kiêm người ĐDPL đối với ông Nguyễn Văn Bản, hiệu lực từ 01/05/2025                                                                   |                 |
| 4.2 | Quyết định số 04B/2025/NQ-HĐQT | 29/04/2025 | Về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thu Hương giữ chức vụ TGD kiêm người ĐDPL, hiệu lực từ 01/05/2025                                                                    |                 |
| 5   | Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐQT  | 29/04/2025 | Về việc thay đổi Giám đốc Công ty TNHH 1TV DP VPC-SG                                                                                                                | 100%            |
| 6   | Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT  | 14/04/2025 | Về việc điều chỉnh Giấy CNĐT NM Capsule                                                                                                                             | 100%            |
| 7   | Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT  | 19/05/2025 | Về việc thông qua các hợp đồng phát sinh doanh thu, chi phí giữa công ty với với những bên có liên quan                                                             | 100%            |

|   |                               |            |                                                                                                 |      |
|---|-------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8 | Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT | 18/06/2025 | Về việc chọn chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội là đơn vị kiểm toán 2025 | 100% |
|---|-------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm):**

**1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát ("BKS")/Ủy ban Kiểm toán:**

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Trình độ chuyên môn          |
|-----|----------------------------------|------------|------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Bà Ngô Thu Trang                 | Trưởng ban | Ngày bắt đầu là Trưởng ban 25/04/2025                      | Cử nhân kế toán doanh nghiệp |
| 2   | Bà Phạm Thị Huệ                  | Thành viên | Ngày bắt đầu là thành viên 14/06/2022                      | Cử nhân tài chính ngân hàng  |
| 3   | Bà Lê Thị Thương                 | Thành viên | Ngày bắt đầu là thành viên 25/04/2025                      | Cử nhân kế toán              |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Thu Hương          | Trưởng ban | Ngày không còn là Trưởng ban 25/04/2025                    | Cử nhân                      |
| 5   | Bà Phan Thị Hòa                  | Thành viên | Ngày không còn là thành viên 25/04/2025                    | Thạc sỹ kinh tế              |

**2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán**

| Stt | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1   | Bà Ngô Thu Trang                 | 01/01               | 100%              | 100%             |                         |
| 2   | Bà Phạm Thị Huệ                  | 01/01               | 100%              | 100%             |                         |
| 3   | Bà Lê Thị Thương                 | 01/01               | 100%              | 100%             |                         |

**3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:**

- Trưởng BKS có tham dự một số cuộc họp của HĐQT và họp giao ban tháng, hàng quý của công ty. BKS thực hiện giám sát công tác quản trị doanh nghiệp của HĐQT, ban điều hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty. BKS giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2025.
- BKS kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính tháng, quý, 6 tháng; giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước, quy trình quy chế và các quy định nội bộ của công ty; giám sát việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy trình, quy chế của công ty; giám sát hoạt động công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.
- BKS giám sát công tác quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến cổ đông, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đồng thời giám sát việc cổ đông được tham gia đóng góp ý kiến, chất vấn, yêu cầu cung cấp thông tin theo đúng quy định.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- Giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc việc phối hợp được thực hiện thường xuyên. BKS đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của BKS.
- Ngoài các hoạt động kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát còn thực hiện các công việc sau:
- + Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh của công ty;

- + Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đưa ra các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai phạm, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;
- + Phối hợp, yêu cầu bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty;
- + Hỗ trợ và cho ý kiến chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ, hệ thống quy trình, quy chế của công ty;
- + Tham gia giám sát, phản biện các dự án đầu tư của công ty;
- + Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các mục tiêu hoạt động khác của công ty.

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có):

#### IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành  | Chức vụ                                      | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn      | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Thu Hương   | Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật | 13/08/1989          | Cử nhân                  | Ngày bổ nhiệm: 01/05/2025                          |
| 2   | Ông Nguyễn Văn Bản        | Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật | 12/07/1978          | Tài chính - Kế toán      | Ngày miễn nhiệm: 01/05/2025                        |
| 3   | Ông Nguyễn Trọng Đức      | Phó Tổng Giám đốc sản xuất & SC              | 31/10/1975          | Đại học Quan hệ Quốc tế  | Ngày bổ nhiệm: 06/09/2024                          |
| 4   | Bà Nguyễn Lâm Minh Thương | Giám đốc tài chính                           | 27/11/1977          | Cử nhân kinh tế- CN TCTD | Ngày bổ nhiệm: 29/11/2024                          |

#### V. Kế toán trưởng

| Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|--------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------|
| Bà Bùi Thị Mỹ Đang | 09/01/1989          | Đại học Tài chính ngân hàng   | Ngày bổ nhiệm: 29/11/2024 |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

##### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty:

Theo Phụ lục 1 đính kèm theo Báo cáo.

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----|---------------------|-----------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
|-----|---------------------|-----------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.

##### 2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25/04/2025 và Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 19/05/2025 về việc thông qua hợp đồng phát sinh doanh thu, chi phí giữa Công ty với những bên có liên quan, trong 06 tháng đầu năm 2025 công ty đã phát sinh các hợp đồng như sau:

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Mối quan hệ liên quan với công ty/Relationship with the Company | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.* date of issue, place of issue       | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address                                              | Thời điểm giao dịch với công ty/Time of transactions with the Company                                | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction | Ghi chú Note                                  |
|---------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                        | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 02/01/2025-31/12/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 3.757.151.128                                                                             | Hợp đồng dịch vụ tư vấn                       |
| 2       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                        | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 21/01/2016-21/01/2022 và 01/01/2022-31/12/2022 và 01/08/2022-29/02/2024 và 01/03/2024 đến 01/2025 và |                                                                                                                                                                                                                        | 1.200.296.736                                                                             | Hợp đồng thuê mặt bằng và Phụ lục             |
| 3       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                        | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 01/11/2023-31/10/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 38.785.746                                                                                | Phụ lục Hợp đồng thuê mặt bằng VP Hà Nội      |
| 4       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                        | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 01/11/2023-31/10/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 2.727.274                                                                                 | Hóa đơn T5, T6/2025 (Tiền gửi xe)             |
| 5       | Công ty cổ phần dược phẩm Benovas                   | Công ty con                                                     | 0314033736 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM  | 276 Nguyễn Đình Chiểu- P. Xuân Hòa- TP. HCM                                               | 02/01/2025-31/12/2025                                                                                | Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25/04/2025 và Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 19/05/2025                                              | 208.112.752.768                                                                           | Hợp đồng kinh tế năm 2025                     |
| 6       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 24/01/2022-24/01/2023                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 150.000.000.000                                                                           | Hợp đồng hợp tác đầu tư (tất toán và gia hạn) |
| 7       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 24/01/2024-24/01/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 6.794.657.603                                                                             | Phụ lục gia hạn HĐ 150 tỷ                     |
| 8       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 24/01/2025-24/01/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 6.794.657.803                                                                             | Phụ lục gia hạn                               |
| 9       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 01/03/2022-01/03/2023                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 100.000.000.000                                                                           | Hợp đồng hợp tác đầu tư (tất toán và gia hạn) |
| 10      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 01/03/2024-01/03/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 9.529.200.000                                                                             | Phụ lục gia hạn HĐ 100 tỷ                     |
| 11      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 01/03/2025-01/03/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 9.529.200.000                                                                             | Phụ lục gia hạn                               |
| 12      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 05/05/2022-05/05/2023                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 60.000.000.000                                                                            | Hợp đồng hợp tác đầu tư (tất toán và gia hạn) |
| 13      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 05/05/2024-05/05/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 29.598.767.123                                                                            | Phụ lục gia hạn HĐ 60 tỷ                      |
| 14      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 05/05/2025-05/05/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 31.522.686.986                                                                            | Phụ lục gia hạn lãi nhập gốc                  |
| 15      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 23/09/2022-23/09/2023                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 19.000.000.000                                                                            | Hợp đồng hợp tác đầu tư                       |
| 16      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/08/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 23/09/2023-23/09/2024                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 20.425.000.000                                                                            | Phụ lục gia hạn HĐ 19 tỷ                      |
| 17      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/08/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P. Thanh Đức- Vĩnh Long                                                | 23/09/2024-23/09/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 21.756.262.329                                                                            | Phụ lục gia hạn lãi nhập gốc                  |

|    |                                                          |                                     |                                                                                 |                                                                                           |                                                    |                |                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------|
| 18 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 27/09/2022-27/09/2023                              | 51.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 19 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 27/09/2023-27/09/2024                              | 54.825.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ 51 tỷ                                         |
| 20 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 27/09/2024-27/09/2025                              | 58.398.388.356 | Phụ lục gia hạn tái nhập gốc                                     |
| 21 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 29/09/2022-29/09/2023                              | 20.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 22 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 29/09/2023-29/09/2024                              | 21.500.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ 20 tỷ                                         |
| 23 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 29/09/2024-29/09/2025                              | 22.901.328.767 | Phụ lục gia hạn tái nhập gốc                                     |
| 24 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 30/12/2022-30/12/2023                              | 21.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 25 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 30/12/2023-30/12/2024                              | 21.000.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ 21 tỷ                                         |
| 26 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 30/12/2024-30/12/2025                              | 21.000.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ                                               |
| 27 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/01/2023-05/01/2024                              | 50.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 28 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/01/2024-05/01/2025                              | 30.000.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ 50 tỷ                                         |
| 29 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/01/2025-05/01/2026                              | 30.000.000.000 | Phụ lục gia hạn                                                  |
| 30 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 28/03/2025-28/03/2026                              | 20.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 31 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 14/05/2025-14/05/2026                              | 20.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 32 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 04/06/2025-14/05/2026                              | 7.100.000.000  | Phụ lục hợp đồng 20 tỷ                                           |
| 33 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/20211 tại Sở KH&ĐT TPHCM                      | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 16/06/2025-16/06/2026                              | 20.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư, biến bán thanh lý hợp đồng              |
| 34 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 29/09/2023-29/09/2025                              | 33.900.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư hạn mức 50 tỷ (DCL cho TBYT Benovas vay) |
| 35 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025- khi hoàn tất chuyển giao và thanh toán | 8.043.639.878  | Hợp đồng bán tài sản (DCL bán)                                   |
| 36 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025- khi hoàn tất chuyển giao và thanh toán | 73.000.000     | Hợp đồng bán tài sản (DCL bán)                                   |
| 37 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025- khi hoàn tất chuyển giao và thanh toán | 1.945.589.035  | Hợp đồng bán tài sản (DCL bán)                                   |
| 38 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025-31/12/2025                              | 18.067.472.926 | Hợp đồng mua bán (DCL bán)                                       |
| 39 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025-31/12/2025                              | 9.835.097.896  | Hợp đồng mua bán (DCL mua)                                       |
| 40 | Công ty Cổ phần FIT Cosmetics                            | Cùng chung công ty mẹ               | 0104344157 ngày cấp 22/12/2009 nơi cấp Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh     | 276 Nguyễn Đình Chiểu- P Xuân Hoà- TP. HCM                                                | 01/01/2025-31/12/2025                              | 21.828.183     | Hợp đồng mua bán nguyên tắc                                      |
| 41 | Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại F.I.T Việt Nam | Công ty có liên quan với Công ty mẹ | 0106567335 Ngày cấp: 10/06/2014 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội       | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 01/04/2024 - 31/12/2025                            | 49.355.036.150 | Hợp đồng mua bán, phụ lục HĐ                                     |

2536  
TỶ  
HÀN  
PHẨM  
LONG  
NH L

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------|
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------|---------|

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo: Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

#### VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Theo Phụ lục 2,3 đính kèm theo Báo cáo.

| stt | Họ tên                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1   | (Tên người nội bộ)                      |                                          |                              |                                      |                 |                            |                               |         |
|     | Tên người có liên quan của người nội bộ |                                          |                              |                                      |                 |                            |                               |         |
| 2   |                                         |                                          |                              |                                      |                 |                            |                               |         |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   |                           |                          |                           |       |                            |       |                                                    |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT.



NGUYỄN VĂN SANG

No: 30/BC-DCL

Vinh Long, July 29<sup>th</sup> 2025

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**(6 Months of 2025)**

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

- Name of listing company: **CUU LONG PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**
- Address of headoffice: No.150, 14/9 street, Thanh Duc Ward, Vinh Long Province
- Telephone: 02703 822533 Fax: 02703.822129
- Charter capital: 730.410.300.000 VND
- Securities code: DCL
- Governance model:
- + General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- The implementation of internal audit: implemented..

**I. Activities of the General Meeting of Shareholders**

*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| No. | Resolution/Decision No.                                                                  | Date       | Content                                                                            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2025<br>No. 01/2025/NQ-DHĐCĐ | 25/04/2025 | Approving issues under the authority of the Annual General Meeting of Shareholders |

**II. Board of Directors (Semiannual report):**

**1. Information about the members of the Board of Directors:**

| Stt No. | Board of Directors' members | Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors | The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                   |
|---------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
|         |                             |                                                                                                | Date of appointment                                                  | Date of dismissal |
| 1       | Mr. Nguyen Van Sang         | Chairman of the Board, Legal Representative                                                    | 14/06/2022                                                           |                   |
| 2       | Mr. Nguyen Ninh Dung        | Non-Executive Member                                                                           | 14/06/2022                                                           |                   |
| 3       | Ms. Bui Hong Hanh           | Non-Executive Member                                                                           | 14/06/2022                                                           |                   |
| 4       | Ms. Nguyen Ngoc Mai         | Non-Executive Member                                                                           | 25/04/2024                                                           |                   |
| 5       | Mr. Pham Van Ngoc           | Independent Member                                                                             | 25/04/2024                                                           |                   |

**2. Meetings of the Board of Directors:**

| No. | Board of Director' member | Number of meetings attended by Board of Directors | Attendance rate | Reasons for absence |
|-----|---------------------------|---------------------------------------------------|-----------------|---------------------|
| 1   | Mr. Nguyen Van Sang       | 08/08                                             | 100%            |                     |
| 2   | Mr. Nguyen Ninh Dung      | 08/08                                             | 100%            |                     |

|   |                     |       |      |  |
|---|---------------------|-------|------|--|
| 3 | Ms. Bui Hong Hanh   | 08/08 | 100% |  |
| 4 | Ms. Nguyen Ngoc Mai | 08/08 | 100% |  |
| 5 | Mr. Pham Van Ngoc   | 08/08 | 100% |  |

**3. Supervising the Board of Management by the Board of Directors ("BOD"):**

- The meetings of the BOD primarily focused on implementing the issues approved by the Annual General Meeting of Shareholders in 2025, appointing/dismissing key personnel, and another issues within the Board's authority, production and business operations, development strategy, and included sessions with the Board of Management on new product strategies, business strategy, investment for production, approval of OGSM, and operating budget in 2025.
- To achieve good production and business performance, Chairman assigned tasks to each BOD's member. The members did their tasks with honesty, diligence, and dedication for the benefit of the company.
- Disclosure of information: periodic, irregular, 24 hours and on demand fully and promptly; Paying attention to shareholder interests and providing information to shareholders in accordance with the regulations.
- In the year, BOD lead and supervised BOM in production and business operations according to the resolutions of BOD, of the Annual General Meeting of Shareholders; Complying with the regulations of State Management Agencies, Legal regulations, Internal regulations and the company's Charter. Mainly focus on:
  - Research and development of new products for the EU-GMP Long An factory; high-quality products at Benovas Medical Devices factory to meet domestic and export demand; upgrading the Nonbetalactam Factory in Vinh Long to EU-GMP standard.
  - Investment plan for developing biotechnology products according to the modern pharmaceutical industry and government-supported and incentivized initiatives.
  - Expanding the portfolio of imported products through technology transfer or mono distribution with foreign partners to participate in ETC channel with high-quality and specialty drugs.
  - Promoting the business of strategic products with good turnover and gross profit.
  - Capacity optimization to reduce production expenses.
  - Effectively financial management; controlling operating expenses according to the approved budget.
  - Training a professional, lean, and efficient staff.

**4. Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):**

- BOD has not established any subcommittees. Members carry out their duties as assigned by the Chairman.

**5. Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semiannual report/annual report):**

| No. | Resolution/Decision No.         | Date       | Content                                                    | Approval rate |
|-----|---------------------------------|------------|------------------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Resolution No. 01/2025/NQ-HDQT  | 06/01/2025 | Regarding no withdrawal of ESOP                            | 100%          |
| 2   | Resolution No. 02/2025/NQ- HDQT | 06/01/2025 | Regarding establishment of EU-GMP team in Long An          | 100%          |
| 3   | Resolution No. 03/2025/NQ- HDQT | 28/02/2025 | Convene the Annual General Meeting of Shareholders in 2025 | 100%          |

|     |                                 |            |                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|---------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4   | Resolution No. 04/2025/NQ- HDQT | 29/04/2025 | Regarding dismissal of General Director and Legal Representative Mr. Nguyen Van Ban, and appointment of Ms. Nguyen Thi Thu Huong as General Director and Legal Representative, effective from 01/05/2025 | 100% |
| 4.1 | Decision No. 04A/2025/NQ- HDQT  | 29/04/2025 | Dismissal of Mr. Nguyen Van Ban from General Director and Legal Representative, effective from 01/05/2025                                                                                                | —    |
| 4.2 | Decision No. 04B/2025/NQ- HDQT  | 29/04/2025 | Appointment of Ms. Nguyen Thi Thu Huong as General Director and Legal Representative, effective from 01/05/2025                                                                                          | —    |
| 5   | Resolution No. 05/2025/NQ- HDQT | 29/04/2025 | Regarding the change of Director of VPC-SG Pharmaceutical Co., Ltd.                                                                                                                                      | 100% |
| 6   | Resolution No. 06/2025/NQ- HDQT | 14/04/2025 | Regarding amendment of the investment certificate for Capsule Factory                                                                                                                                    | 100% |
| 7   | Resolution No. 07/2025/NQ- HDQT | 19/05/2025 | Regarding approval of contracts between the company and related parties                                                                                                                                  | 100% |
| 8   | Resolution No. 08/2025/NQ- HDQT | 18/06/2025 | Regarding selection of A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. – Hanoi Branch as the audit company for 2025                                                                                                | 100% |

### III. Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report):

#### 1. Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

| No. | Members of Board of Supervisors/ Audit Committee | Position                          | The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee | Qualification                    |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Ms. Ngo Thu Trang                                | Chief of the Board of Supervisors | The date becoming to be the member 25/04/2025                                           | Bachelor of Corporate Accounting |
| 2   | Ms. Pham Thi Hue                                 | Member                            | The date becoming to be the member 14/06/2022                                           | Bachelor of Banking and Finance  |
| 3   | Ms. Le Thi Thuong                                | Member                            | The date becoming to be the member 25/04/2025                                           | Bachelor of Accounting           |
| 4   | Ms. Nguyen Thi Thu Huong                         | Chief of the Board of Supervisors | The date ceasing to be the member 25/04/2025                                            | Bachelor                         |
| 5   | Ms. Phan Thi Hoa                                 | Member                            | The date ceasing to be the member 25/04/2025                                            | Master of Economics              |

#### 2. Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

| No. | Members of Board of Supervisors/ Audit Committee | Number of meetings attended | Attendance rate | Voting rate | Reasons for absence |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------|---------------------|
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------|---------------------|

|   |                   |       |      |      |  |
|---|-------------------|-------|------|------|--|
| 1 | Ms. Ngo Thu Trang | 01/01 | 100% | 100% |  |
| 2 | Ms. Pham Thi Hue  | 01/01 | 100% | 100% |  |
| 3 | Ms. Le Thi Thuong | 01/01 | 100% | 100% |  |

**3. Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:**

- The Board of Supervisors (BOS) participated in some BOD's meetings and company's review meetings monthly, quarterly. The BOS oversaw corporate governance activities of BOD, BOM to ensure compliance with legal regulations, the company's charter, and internal governance regulations. Additionally, the BOS oversaw the implementation of resolution approved by the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.
- The BOS inspected the legality and transparency in operations, accounting books, and monthly, quarterly, and annual Financial Statements; the compliance with state policies, internal regulations. The BOS also supervised the amendment of company's processes and regulations; disclosure of information timely and completely.
- The BOS inspected documents relating to shareholders, ensured the entitled rights of shareholders. The BOS also ensured that shareholders were able to provide feedback, raise questions, and request information in accordance with regulations.

**4. The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:**

- The Board of Supervisors coordinated regularly with the Board of Directors and Board of Management. It was fully supported by the Board of Directors and Board of Management to fulfill its responsibilities. Departments coordinated and provided all necessary information and documents as required.
- In addition to inspection and supervision activities, the BOS also carried out as follows:
  - + Feedback to the Board of Directors and *Board of Management* on business management and the implementation of production and business plan.
  - + Analyzed, evaluated company's operations independently. Based on those, BOS took measures to correct the errors, limit risks in operations.
  - + Coordinated with internal audit team to inspect and control professional activities periodically and irregularly.
  - + Supported to standardize the internal management reporting system, processes, and regulations.
  - + Supervised and evaluated DCL's investment projects.
  - + Provide feedback to another development and improvement activities.

**5. Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):**

**IV. Board of Management**

| No. | Members of Board of Management | Position                               | Date of birth | Qualification        | Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management / |
|-----|--------------------------------|----------------------------------------|---------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ms. Nguyen Thi Thu. Huong      | General Director, Legal Representative | 13/08/1989    | Bachelor             | Date of appointment: 01/05/2025                                         |
|     | Mr. Nguyen Van Ban             | General Director, Legal Representative | 12/07/1978    | Finance - Accounting | Date of dismissal: 01/05/2025                                           |

|   |                            |                                                      |            |                                                     |                                 |
|---|----------------------------|------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|
| 2 | Mr. Nguyen Trong Duc       | Deputy General Director of Production & Supply Chain | 31/10/1975 | University of International Relations               | Date of appointment: 06/09/2024 |
| 3 | Ms. Nguyen Lam Minh Thuong | Chief Financial Officer                              | 27/11/1977 | Bachelor of Economics – Major in Finance and Credit | Date of appointment: 29/11/2024 |

#### V. Chief Accountant

| Name                | Date of birth | Qualification                     | Date of appointment |
|---------------------|---------------|-----------------------------------|---------------------|
| Ms. Bui Thi My Dang | 09/01/1989    | University of Finance and Banking | 29/11/2024          |

#### VI. Training courses on corporate governance:

Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on

#### VII. The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

##### 1. The list of affiliated persons of the Company:

According to Appendix 1, attached to the Report.

| STT No. | Name of organization/individual | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any) | No. *, date of issue, place of issue | Address | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person | Reasons | Relationship with the Company |
|---------|---------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|---------|------------------------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------------|
|---------|---------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|---------|------------------------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------------|

Note: No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

##### 2. Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

Based on Resolution No. 01/2025/NQ-DHDCD of the Annual General Meeting of Shareholders, dated 25/04/2025 and Resolution No. 07/2025/NQ-HDQT of the BOD, dated 19/05/2025. In 2024, the company signed the following contracts:

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual | Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH No., date of issue, place of issue        | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address                                             | Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company                                | Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction | Ghi chú Note                                  |
|---------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                        | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 02/01/2025-31/12/2025                                                                                | Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25/04/2025 và Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 19/05/2025                                             | 3.757.151.128                                                                             | Hợp đồng dịch vụ tư vấn                       |
| 2       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                        | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 21/01/2016-21/01/2022 và 01/01/2022-31/12/2022 và 01/08/2022-29/02/2024 và 01/03/2024 đến 01/2025 và |                                                                                                                                                                                                                        | 1.200.296.736                                                                             | Hợp đồng thuê mặt bằng và Phụ lục             |
| 3       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                        | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 01/11/2023-31/10/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 38.785.746                                                                                | Phụ lục Hợp đồng thuê mặt bằng VP Hà Nội      |
| 4       | Công ty cổ phần Tập đoàn FIT                        | Công ty mẹ                                                      | 0102182140 cấp lần đầu ngày 08/03/2007 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 01/11/2023-31/10/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 2.727.274                                                                                 | Hóa đơn T5,T6/2025 (Tiền gửi xe)              |
| 5       | Công ty cổ phần dược phẩm Benovas                   | Công ty con                                                     | 0314033736 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM  | 276 Nguyễn Đình Chiểu- P Xuân Hoà- TP. HCM                                                | 02/01/2025-31/12/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 208.112.752.768                                                                           | Hợp đồng kinh tế năm 2025                     |
| 6       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 24/01/2022-24/01/2023                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 150.000.000.000                                                                           | Hợp đồng hợp tác đầu tư (tất toán và gia hạn) |
| 7       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 24/01/2024-24/01/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 6.794.657.603                                                                             | Phụ lục gia hạn HĐ 150 tỷ                     |
| 8       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 24/01/2025-24/01/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 6.794.657.603                                                                             | Phụ lục gia hạn                               |
| 9       | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 01/03/2022-01/03/2023                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 100.000.000.000                                                                           | Hợp đồng hợp tác đầu tư (tất toán và gia hạn) |
| 10      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 01/03/2024-01/03/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 9.529.200.000                                                                             | Phụ lục gia hạn HĐ 100 tỷ                     |
| 11      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 01/03/2025-01/03/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 9.529.200.000                                                                             | Phụ lục gia hạn                               |
| 12      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/05/2022-05/05/2023                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 60.000.000.000                                                                            | Hợp đồng hợp tác đầu tư (tất toán và gia hạn) |
| 13      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/05/2024-05/05/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 29.598.767.123                                                                            | Phụ lục gia hạn HĐ 60 tỷ                      |
| 14      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2011 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/05/2025-05/05/2026                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 31.522.686.986                                                                            | Phụ lục gia hạn lãi nhập gốc                  |
| 15      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 23/09/2022-23/09/2023                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 19.000.000.000                                                                            | Hợp đồng hợp tác đầu tư                       |
| 16      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 23/09/2023-23/09/2024                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 20.425.000.000                                                                            | Phụ lục gia hạn HĐ 19 tỷ                      |
| 17      | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn              | Công ty con                                                     | 0311124093 cấp lần đầu ngày 06/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                    | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 23/09/2024-23/09/2025                                                                                |                                                                                                                                                                                                                        | 21.756.262.329                                                                            | Phụ lục gia hạn lãi nhập gốc                  |

|    |                                                          |                                     |                                                                                 |                                                                                           |                                                    |  |                |                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--|----------------|------------------------------------------------------------------|
| 18 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 27/09/2022- 27/09/2023                             |  | 51.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 19 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 27/09/2023- 27/09/2024                             |  | 54.825.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ 51 tỷ                                         |
| 20 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 27/09/2024- 27/09/2025                             |  | 58.398.388.358 | Phụ lục gia hạn lãi nhập gốc                                     |
| 21 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 29/09/2022- 29/09/2023                             |  | 20.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 22 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 29/09/2023- 29/09/2024                             |  | 21.500.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ 20 tỷ                                         |
| 23 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 29/09/2024- 29/09/2025                             |  | 22.901.328.767 | Phụ lục gia hạn lãi nhập gốc                                     |
| 24 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 30/12/2022- 30/12/2023                             |  | 21.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 25 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 30/12/2023- 30/12/2024                             |  | 21.000.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ 21 tỷ                                         |
| 26 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 30/12/2024- 30/12/2025                             |  | 21.000.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ                                               |
| 27 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/01/2023- 05/01/2024                             |  | 50.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 28 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/01/2024- 05/01/2025                             |  | 30.000.000.000 | Phụ lục gia hạn HĐ 50 tỷ                                         |
| 29 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 05/01/2025- 05/01/2026                             |  | 30.000.000.000 | Phụ lục gia hạn                                                  |
| 30 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 28/03/2025- 28/03/2026                             |  | 20.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 31 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 14/05/2025- 14/05/2026                             |  | 20.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư                                          |
| 32 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 04/06/2025- 14/05/2026                             |  | 7.100.000.000  | Phụ lục hợp đồng 20 tỷ                                           |
| 33 | Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn                   | Công ty con                         | 0311124093 cấp lần đầu ngày 08/09/2021 tại Sở KH&ĐT TPHCM                       | Số 150 đường 14/9- P.Thanh Đức- Vĩnh Long                                                 | 16/06/2025- 16/06/2026                             |  | 20.000.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư, biên bản thanh lý hợp đồng              |
| 34 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 29/09/2023- 29/09/2025                             |  | 33.900.000.000 | Hợp đồng hợp tác đầu tư hạn mức 50 tỷ (DCL cho TBYT Benovas way) |
| 35 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025- khi hoàn tất chuyển giao và thanh toán |  | 8.043.639.878  | Hợp đồng bán tài sản (DCL bán)                                   |
| 36 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025- khi hoàn tất chuyển giao và thanh toán |  | 73.000.000     | Hợp đồng bán tài sản (DCL bán)                                   |
| 37 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025- khi hoàn tất chuyển giao và thanh toán |  | 1.945.589.035  | Hợp đồng bán tài sản (DCL bán)                                   |
| 38 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025- 31/12/2025                             |  | 18.067.472.926 | Hợp đồng mua bán (DCL bán)                                       |
| 39 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                             | Công ty con                         | 1501057104 cấp lần đầu ngày 27/09/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long | Số 68Đ Tổ 05, Ấp Thanh Mỹ 1, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long                             | 21/02/2025- 31/12/2025                             |  | 9.835.097.898  | Hợp đồng mua bán (DCL mua)                                       |
| 40 | Công ty Cổ phần FIT Cosmetics                            | Cùng chung công ty mẹ               | 0104344157 ngày cấp 22/12/2009 nơi cấp Sở kế hoạch và đầu tư TP Hồ Chí Minh     | 276 Nguyễn Đình Chiểu- P Xuân Hoà- TP. HCM                                                | 01/01/2025- 31/12/2025                             |  | 21.628.183     | Hợp đồng mua bán nguyên tắc                                      |
| 41 | Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại F.I.T Việt Nam | Công ty có liên quan với Công ty mẹ | 0106567335 Ngày cấp: 10/06/2014 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội       | Tầng 5, Tòa Time Tower - HACC1 Complex Building, 35 Lê Văn Lương - P. Thanh Xuân - Hà Nội | 01/04/2024 - 31/12/2025                            |  | 49.355.036.150 | Hợp đồng mua bán, phụ lục HĐ                                     |

Note: No.ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: None

| No. | Transaction executor | Relationship with internal persons | Position at the listed Company | ID card No. /Passport No., date of issue, place of issue | Address | Name of subsidiaries or companies which the Company control | Time of transaction | Content, quantity, total value of transaction | Note |
|-----|----------------------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|------|
|-----|----------------------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|------|

4. Transactions between the Company and other objects

4.1. Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Không có

4.2. Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).

4.3. Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: None

#### VIII. Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report)

1. The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

According to Appendix 2,3 attached to the Report.

| No. | Name                     | Securities trading account (if any) | Position at the company (if any) | ID card No./Passport No., date of issue, place of issue | Address | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of share ownership at the end of the period | Note |
|-----|--------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------|
| 1   | Name of internal person) |                                     |                                  |                                                         |         |                                                 |                                                        |      |
|     | Name affiliated persons  |                                     |                                  |                                                         |         |                                                 |                                                        |      |
| 2   |                          |                                     |                                  |                                                         |         |                                                 |                                                        |      |

2. Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: Không có

| No. | Transaction executor | Relationship with internal persons | Number of shares owned at the beginning of the period |            | Number of shares owned at the end of the period |            | Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.) |
|-----|----------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|     |                      |                                    | Number of shares                                      | Percentage | Number of shares                                | Percentage |                                                                                   |
| 1   |                      |                                    |                                                       |            |                                                 |            |                                                                                   |

IX. Other significant issues: None.

Recipients:

- SSC, Hose,
- Archived: secretary.

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

VAN SANG NGUYEN

**PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1**

(Đính kèm theo Báo cáo quản trị 6 tháng năm 2025 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long)

(Attached to the Report on Corporate Governance of Cuu Long Pharmaceutical Joint Stock Company - 6 months of 2025)

**Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company**

| STT | Tên tổ chức/cá nhân/Company name/Individual name | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH* No.* | Ngày cấp/ date of issue | Nơi cấp NSH/ place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ/Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting | Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person | Lý do Reasons                                  | Mối quan hệ liên quan với công ty/Relationship with the Company |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Văn Sang                                  |                                         | Chủ tịch HĐQT, NDDPL                                          |                   |                         |                             |                                               | 14/06/2022                                               |                                                                                  |                                                |                                                                 |
| 2   | Bùi Hồng Hạnh                                    |                                         | Thành viên HĐQT                                               |                   |                         |                             |                                               | 14/06/2022                                               |                                                                                  |                                                |                                                                 |
| 3   | Nguyễn Ngọc Mai                                  |                                         | Thành viên HĐQT                                               |                   |                         |                             |                                               | 25/04/2024                                               |                                                                                  |                                                |                                                                 |
| 4   | Nguyễn Ninh Dũng                                 |                                         | Thành viên HĐQT                                               |                   |                         |                             |                                               | 14/06/2022                                               |                                                                                  |                                                |                                                                 |
| 5   | Phạm Văn Ngọc                                    |                                         | TV HĐQT độc lập                                               |                   |                         |                             |                                               | 25/04/2024                                               |                                                                                  |                                                |                                                                 |
| 6   | Nguyễn Thị Thu Hương                             |                                         | Trưởng BKS                                                    |                   |                         |                             |                                               | 25/04/2024                                               | 25/04/2025                                                                       | Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ, ngày 25/04/2025       |                                                                 |
| 7   | Phan Thị Hòa                                     |                                         | Thành viên Ban kiểm soát                                      |                   |                         |                             |                                               | 14/06/2022                                               | 25/04/2025                                                                       | Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ, ngày 25/04/2025       |                                                                 |
| 8   | Ngô Thu Trang                                    |                                         | Trưởng BKS                                                    |                   |                         |                             |                                               | 25/04/2025                                               |                                                                                  | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ, ngày 25/04/2025         |                                                                 |
| 9   | Lê Thị Thương                                    |                                         | Thành viên Ban kiểm soát                                      |                   |                         |                             |                                               | 25/04/2025                                               |                                                                                  | Bổ nhiệm theo NQ ĐHCĐ, ngày 25/04/2025         |                                                                 |
| 10  | Phạm Thị Huế                                     |                                         | Thành viên Ban kiểm soát                                      |                   |                         |                             |                                               | 14/06/2022                                               |                                                                                  |                                                |                                                                 |
| 11  | Nguyễn Văn Bàn                                   |                                         | TGĐ, Người ĐDPL                                               |                   |                         |                             |                                               | 01/08/2024                                               | 01/05/2025                                                                       | Miễn nhiệm theo NQ của HĐQT, hiệu lực 01/05/25 |                                                                 |

|    |                                                             |  |                                           |  |  |  |            |  |                                              |                                                             |
|----|-------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------|--|--|--|------------|--|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 12 | Nguyễn Thị Thu Hương                                        |  | TGD, Người ĐDPL                           |  |  |  | 01/05/2025 |  | Bổ nhiệm theo NQ của HĐQT, hiệu lực 01/05/25 |                                                             |
| 13 | Nguyễn Trọng Đức                                            |  | Phó TGD SX&SC                             |  |  |  | 06/09/2024 |  |                                              |                                                             |
| 14 | Nguyễn Lâm Minh Thương                                      |  | Giám đốc tài chính                        |  |  |  | 29/11/2024 |  |                                              |                                                             |
| 15 | Bùi Thị Mỹ Đăng                                             |  | Kế toán trưởng                            |  |  |  | 29/11/2024 |  |                                              |                                                             |
| 16 | Nguyễn Ngọc Bích Ly                                         |  | Người được UQ CBTT, người PT quản trị cty |  |  |  | 14/05/2014 |  |                                              |                                                             |
| 17 | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                              |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Công ty mẹ                                                  |
| 18 | Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn         |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Công ty con cấp 1                                           |
| 19 | Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas                           |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Công ty con cấp 1                                           |
| 20 | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas                       |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Công ty con cấp 1                                           |
| 21 | Công Ty Cổ Phần Thuốc Ung Thư Benovas                       |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Công ty con cấp 1                                           |
| 22 | Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ              |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Cùng chung công ty mẹ, công ty có liên quan TV HĐQT         |
| 23 | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam    |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Cùng chung công ty mẹ                                       |
| 24 | Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T                   |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Cùng chung công ty mẹ, công ty có liên quan TV HĐQT, TV BKS |
| 25 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín                    |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Cùng chung công ty mẹ                                       |
| 26 | Công Ty Cổ Phần FIT Consumer                                |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Cùng chung công ty mẹ, công ty có liên quan TV BKS          |
| 27 | Công ty Cổ phần Hat giống TSC                               |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Cùng chung công ty mẹ                                       |
| 28 | Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa                       |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Cùng chung công ty mẹ, công ty có liên quan TV HĐQT         |
| 29 | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |  |                                           |  |  |  | 25/04/2024 |  |                                              | Cùng chung công ty mẹ, công ty có liên quan TV BKS          |
| 30 | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings                         |  |                                           |  |  |  | 14/06/2022 |  |                                              | Công ty có liên quan TV HĐQT                                |

|    |                                                                              |  |  |  |  |  |            |  |  |                                                    |
|----|------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|------------|--|--|----------------------------------------------------|
| 31 | Công ty cổ phần FIT Cosmetics                                                |  |  |  |  |  | 25/04/2024 |  |  | Cùng chung công ty mẹ, công ty có liên quan TV BKS |
| 32 | Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây                        |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Cùng chung công ty mẹ                              |
| 33 | Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang                                           |  |  |  |  |  | 15/06/2022 |  |  | Cùng chung công ty mẹ                              |
| 34 | Công ty cổ phần Today Cosmetics                                              |  |  |  |  |  | 14/06/2022 |  |  | Công ty có liên quan với cty mẹ                    |
| 35 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Big One                                             |  |  |  |  |  | 25/04/2024 |  |  | Công ty có liên quan TV HĐQT                       |
| 36 | Công ty Liên doanh sản xuất kinh doanh, XNK Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế |  |  |  |  |  |            |  |  | Công ty con cấp I                                  |



**PHỤ LỤC 2/APPENDIX 2**

(Đính kèm theo Báo cáo quản trị 6 tháng năm 2025 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long)

*(Attached to the Report on Corporate Governance of Cuu Long Pharmaceutical Joint Stock Company - 6 months of 2025)*

**Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons**

[illegible]

|      |                                                |  |                 |  |  |  |            |        |                                 |
|------|------------------------------------------------|--|-----------------|--|--|--|------------|--------|---------------------------------|
| 2.03 | Bùi Đức Nghĩa                                  |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Em trai                         |
| 2.04 | Trương Thủy Quỳnh                              |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Em dâu                          |
| 2.05 | Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Người được UQ CBTT và Người phụ |
| 2.06 | Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T      |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Thành viên HĐQT                 |
| 2.07 | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas          |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Chủ tịch HĐQT                   |
| 2.08 | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                 |  |                 |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | Người được UQ CBTT và Người phụ |
| 2.09 | Công Ty Cổ Phần Thuốc Ung Thư Benovas          |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Thành viên HĐQT                 |
| 3    | Nguyễn Ngọc Mai                                |  | Thành viên HĐQT |  |  |  | 0          | 0      |                                 |
| 3.01 | Nguyễn Văn Sang                                |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Bố                              |
| 3.02 | Ninh Thanh Xuân                                |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Mẹ                              |
| 3.03 | Nguyễn Ninh Dũng                               |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Anh                             |
| 3.04 | Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa          |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | TV HĐQT                         |
| 3.05 | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                 |  |                 |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | TV HĐQT                         |
| 3.06 | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings            |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | TV HĐQT                         |
| 4    | Nguyễn Ninh Dũng                               |  | Thành viên HĐQT |  |  |  | 0          | 0      |                                 |
| 4.01 | Nguyễn Văn Sang                                |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Bố                              |
| 4.02 | Ninh Thanh Xuân                                |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Mẹ                              |
| 4.03 | Nguyễn Ngọc Mai                                |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | Em gái                          |
| 4.04 | Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa          |  |                 |  |  |  | 0          | 0      | TV HĐQT                         |
| 4.05 | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                 |  |                 |  |  |  | 42.402.616 | 58,05% | TV HĐQT                         |

|      |                                                             |  |                          |  |  |  |      |   |                   |
|------|-------------------------------------------------------------|--|--------------------------|--|--|--|------|---|-------------------|
| 4.06 | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings                         |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | TV HĐQT           |
| 5    | Phạm Văn Ngọc                                               |  | TV HĐQT độc lập          |  |  |  | 0    | 0 |                   |
| 5.01 | Phạm Văn Nghiễm                                             |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Bố đẻ             |
| 5.02 | Đỗ Thị Chất                                                 |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Mẹ đẻ             |
| 5.03 | Phạm Văn Lâm                                                |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Anh trai          |
| 5.04 | Phạm Văn Thanh                                              |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Anh trai          |
| 5.05 | Phạm Thị Tâm                                                |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Chị gái           |
| 5.06 | Phạm Văn Thạch                                              |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Em trai           |
| 5.07 | Nguyễn Thị Ngoan                                            |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Vợ                |
| 5.08 | Phạm Ngọc Khánh                                             |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Con               |
| 5.09 | Phạm Khánh Hà                                               |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Con               |
| 5.10 | Nguyễn Văn Lan                                              |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Bố vợ             |
| 5.11 | Nguyễn Thị Thát                                             |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Mẹ vợ             |
| 5.12 | Nguyễn Văn Hải                                              |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Anh rể            |
| 5.13 | Nguyễn Thị Phương                                           |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Chị vợ            |
| 5.14 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Big One                            |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Phó Tổng Giám đốc |
| 6    | Ngô Thu Trang                                               |  | Trưởng BKS               |  |  |  | 1000 | 0 |                   |
| 6.01 | Ngô Văn Sơn                                                 |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Bố                |
| 6.02 | Tiêu Thị Lanh                                               |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Mẹ                |
| 6.03 | Ngô Xuân Thái                                               |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Em ruột           |
| 6.04 | Khuông Thị Hà                                               |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Em dâu            |
| 6.05 | Công ty cổ phần FIT Cosmetics                               |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Tổng Giám đốc     |
| 6.06 | Công ty cổ phần Đầu Tư Bất động sản F.I.T                   |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Trưởng BKS        |
| 6.07 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | TV BKS            |
| 7    | Lê Thị Thương                                               |  | Thành viên Ban kiểm soát |  |  |  | 1027 | 0 |                   |
| 7.01 | Lê Văn Quý                                                  |  |                          |  |  |  | 0    | 0 | Bố                |

|      |                                                             |  |                          |  |  |  |  |   |   |                |
|------|-------------------------------------------------------------|--|--------------------------|--|--|--|--|---|---|----------------|
| 7.02 | Lê Thị Huyền                                                |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị            |
| 7.03 | Lê Thị Trang                                                |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị            |
| 7.04 | Lê Văn Quỳnh                                                |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh            |
| 7.05 | Vũ Đức Mạnh                                                 |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể         |
| 7.06 | Lê Văn Hưng                                                 |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể         |
| 7.07 | Viên Thị Thủy                                               |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu        |
| 7.08 | Lương Văn Dương                                             |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Chồng          |
| 7.09 | Lương Trắc Kính                                             |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Bố chồng       |
| 7.10 | Lương Thị Lịch                                              |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ chồng       |
| 7.11 | Lương Trắc Bình                                             |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh chồng      |
| 7.12 | Lương Thị Hiền                                              |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị chồng      |
| 7.13 | Công ty Cổ phần FIT Consumer                                |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Kế toán trưởng |
| 7.14 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Tổng Giám đốc  |
| 7.15 | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín                    |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Kế toán trưởng |
| 7.16 | Công ty Cổ phần Hạt giống TSC                               |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Kế toán trưởng |
| 7.17 | Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ         |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Kế toán trưởng |
| 7.18 | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas                       |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | TV BKS         |
| 8    | Phạm Thị Huê                                                |  | Thành viên Ban kiểm soát |  |  |  |  | 0 | 0 |                |
| 8.01 | Phạm Văn Định                                               |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Bố             |
| 8.02 | Hoàng Thị Hiền                                              |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ             |
| 8.03 | Nguyễn Trọng Đại                                            |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Chồng          |
| 8.04 | Phạm Thị Huyền                                              |  |                          |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị gái        |



|       |                                       |  |                    |  |  |  |  |   |   |                    |
|-------|---------------------------------------|--|--------------------|--|--|--|--|---|---|--------------------|
| 10.02 | Đặng Thị Diệu                         |  |                    |  |  |  |  |   |   |                    |
| 10.03 | Nguyễn Trọng Ân                       |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ (mất)           |
| 10.04 | Nguyễn Thị Thanh Bình                 |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh trai           |
| 10.05 | Nguyễn Thị Thanh Lan                  |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị gái            |
| 10.06 | Nguyễn Thị Thanh Vân                  |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Em gái             |
| 10.07 | Nguyễn Trọng Hiếu                     |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Vợ                 |
| 10.08 | Nguyễn Phương Thảo                    |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Con trai           |
| 10.09 | Phạm Thị Quang                        |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Con gái            |
| 10.10 | Nguyễn Văn Tuấn                       |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ vợ              |
| 10.11 | Công ty Cổ phần TBYT Benovas          |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể             |
| 10.12 | Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas     |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | PTGD               |
| 11    | Nguyễn Lâm Minh Thương                |  | Giám đốc tài chính |  |  |  |  | 0 | 0 |                    |
| 11.01 | Nguyễn Duy Dương                      |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Ba ruột            |
| 11.02 | Lâm Ngọc Lý                           |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ ruột            |
| 11.03 | Ngô Thành Thía                        |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Chồng              |
| 11.04 | Ngô Minh Thy                          |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ             |
| 11.05 | Ngô Thy Vân                           |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ             |
| 11.06 | Nguyễn Lâm Minh Phương                |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột           |
| 11.07 | Nguyễn Lâm Minh Xuân                  |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột           |
| 11.08 | Nguyễn Lâm Duy Linh                   |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Em ruột            |
| 11.09 | Trần Thanh Dũng                       |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể             |
| 11.10 | Trần Tấn Phúc                         |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể             |
| 11.11 | Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Giám đốc tài chính |
| 11.12 | Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas     |  |                    |  |  |  |  | 0 | 0 | Giám đốc tài chính |
| 12    | Bùi Thị Mỹ Đang                       |  | Kế toán trưởng     |  |  |  |  | 0 | 0 |                    |

|       |                      |  |                                                |  |  |  |   |   |             |
|-------|----------------------|--|------------------------------------------------|--|--|--|---|---|-------------|
| 12.01 | Bùi Văn Ứng          |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Bố (đã mất) |
| 12.02 | Nguyễn Thị Ngọc Dung |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ đẻ       |
| 12.03 | Phạm Thanh Tùng      |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Bố chồng    |
| 12.04 | Nguyễn Thị Thủy      |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ chồng    |
| 12.05 | Phạm Văn Nin         |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Chồng       |
| 12.06 | Phạm Ngọc Khánh My   |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ      |
| 12.07 | Phạm Ngọc Khả My     |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Con đẻ      |
| 12.08 | Bùi Văn Hai          |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Anh ruột    |
| 12.09 | Bùi Thị Oanh         |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột    |
| 12.10 | Bùi Thị Tuyết Loan   |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Chị ruột    |
| 12.11 | Bùi Hồng Hiếu        |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Anh ruột    |
| 12.12 | Bùi Thanh Đạm        |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Anh ruột    |
| 12.13 | Bùi Thanh Đâm        |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Anh ruột    |
| 12.14 | Nguyễn Thị Thùy Linh |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu     |
| 12.15 | Nguyễn Phương Khanh  |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể      |
| 12.16 | Đỗ Tri Tuấn          |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Anh rể      |
| 12.17 | Nguyễn Thị Thu Thủy  |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu     |
| 12.18 | Lê Thị Thanh Diễm    |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu     |
| 12.19 | Bùi Minh Loan        |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu     |
| 13    | Nguyễn Ngọc Bích Ly  |  | Người được UQ<br>CBTT, người PT<br>quản trị ty |  |  |  | 0 | 0 |             |
| 13.01 | Nguyễn Ngọc Sang     |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Cha (mất)   |
| 13.02 | Nguyễn Thị Miêu      |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ          |
| 13.03 | Nguyễn Văn Tịnh      |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Cha chồng   |
| 13.04 | Phan Thị Ngọc Thương |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Mẹ chồng    |
| 13.05 | Nguyễn Tiến Luật     |  |                                                |  |  |  | 0 | 0 | Anh         |

|       |                    |  |  |  |  |  |  |   |   |         |
|-------|--------------------|--|--|--|--|--|--|---|---|---------|
| 13.06 | Trần Thị Thu Cúc   |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 | Chị dâu |
| 13.07 | Nguyễn Nhã Yến     |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 | Con     |
| 13.08 | Nguyễn Thanh Phong |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 | Chồng   |



**PHỤ LỤC 3**

(Đính kèm theo Báo cáo quản trị 6 tháng năm 2025 của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long)

(Attached to the Report on Corporate Governance of Cửu Long Pharmaceutical Joint Stock Company - 6 months of 2025)

**Danh sách người nội bộ và người liên quan (cá nhân, tổ chức) đến người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons (individual, organization)**

| STT  | Mã chứng khoán | Họ tên                                              | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty  | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|----------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1    | 2              | 3                                                   |                                          | 5                    | 6                                | 7                                         |             |                   |         |                                      | 12                         | 13                            | 14                                                                | 15                                                                  | 16                                                        | 17                                                         |
| 1    | DCL            | Nguyễn Văn Sang                                     |                                          | Chủ tịch HĐQT, NDDPL |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.01 | DCL            | Trần Thị Tiến                                       |                                          |                      | Mẹ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.02 | DCL            | Nguyễn Văn Ba                                       |                                          |                      | Em                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.03 | DCL            | Nguyễn Ngọc Bích                                    |                                          |                      | Em                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.04 | DCL            | Ninh Thanh Xuân                                     |                                          |                      | Vợ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.05 | DCL            | Nguyễn Ninh Dũng                                    |                                          |                      | Con trai                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.06 | DCL            | Nguyễn Ngọc Mai                                     |                                          |                      | Con gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.07 | DCL            | Nguyễn Thị Trang                                    |                                          |                      | Em dâu                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.08 | DCL            | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                      |                                          |                      | Chủ tịch HĐQT                    | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 42.402.616                 | 58,05%                        | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.09 | DCL            | Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa               |                                          |                      | Chủ tịch HĐQT                    | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.10 | DCL            | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings                 |                                          |                      | Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ           | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.11 | DCL            | Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn |                                          |                      | Chủ tịch công ty                 | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 1.12 | DCL            | Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas                   |                                          |                      | Chủ tịch HĐQT, NDDPL             | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2    | DCL            | Bùi Hồng Hạnh                                       |                                          | Thành viên HĐQT      |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2.01 | DCL            | Bùi Văn Phúc                                        |                                          |                      | Bố                               | CMND                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2.02 | DCL            | Nguyễn Thị Kim Nhung                                |                                          |                      | Mẹ                               | CMND                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0,00%                         | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2.03 | DCL            | Bùi Đức Nghĩa                                       |                                          |                      | Em trai                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2.04 | DCL            | Trương Thúy Quỳnh                                   |                                          |                      | Em dâu                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |

| STT  | Mã chứng khoán | Họ tên                                         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ                  | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (nếu phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|----------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 2.05 | DCL            | Công ty CP Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ |                                          |                     | Người được UQ CBTT và Người phụ trách quản trị CT | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2.06 | DCL            | Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T      |                                          |                     | Thành viên HĐQT                                   | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2.07 | DCL            | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas          |                                          |                     | Thành viên HĐQT                                   | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2.08 | DCL            | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                 |                                          |                     | Người được UQ CBTT và Người phụ trách quản trị CT | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 42.402.616                 | 58,05%                        | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 2.09 | DCL            | Công Ty Cổ Phần Thuốc Ung Thư Benovas          |                                          |                     | Thành viên HĐQT                                   | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 3    | DCL            | Nguyễn Ngọc Mai                                |                                          | Thành viên HĐQT     |                                                   | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 3.01 | DCL            | Nguyễn Văn Sang                                |                                          |                     | Bố                                                | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 3.02 | DCL            | Ninh Thanh Xuân                                |                                          |                     | Me                                                | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 3.03 | DCL            | Nguyễn Ninh Dũng                               |                                          |                     | Anh                                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 3.04 | DCL            | Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa          |                                          |                     | TV HĐQT                                           | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 3.05 | DCL            | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                 |                                          |                     | TV HĐQT                                           | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 42.402.616                 | 58,05%                        | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 3.06 | DCL            | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings            |                                          |                     | TV HĐQT                                           | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 4    | DCL            | Nguyễn Ninh Dũng                               |                                          | Thành viên HĐQT     |                                                   | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 4.01 | DCL            | Nguyễn Văn Sang                                |                                          |                     | Bố                                                | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 4.02 | DCL            | Ninh Thanh Xuân                                |                                          |                     | Me                                                | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 4.03 | DCL            | Nguyễn Ngọc Mai                                |                                          |                     | Em gái                                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 4.04 | DCL            | Công Ty Cổ Phần Nước Khoáng Khánh Hòa          |                                          |                     | TV HĐQT                                           | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |

| STT  | Mã chứng khoán | Họ tên                                                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các giấy chủ khác) |
|------|----------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 4.05 | DCL            | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.LT                               |                                          |                     | TV HĐQT                          | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 42.402.616                 | 58,05%                        | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 4.06 | DCL            | Công ty cổ phần đầu tư JJK Holdings                         |                                          |                     | TV HĐQT                          | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5    | DCL            | Phạm Văn Ngọc                                               |                                          | TV HĐQT độc lập     |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.01 | DCL            | Phạm Văn Nghiễm                                             |                                          |                     | Bố đẻ                            |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.02 | DCL            | Đỗ Thị Chát                                                 |                                          |                     | Mẹ đẻ                            |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.03 | DCL            | Phạm Văn Lâm                                                |                                          |                     | Anh trai                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.04 | DCL            | Phạm Văn Thanh                                              |                                          |                     | Anh trai                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.05 | DCL            | Phạm Thị Tâm                                                |                                          |                     | Chị gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.06 | DCL            | Phạm Văn Thạch                                              |                                          |                     | Em trai                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.07 | DCL            | Nguyễn Thị Ngoan                                            |                                          |                     | Vợ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.08 | DCL            | Phạm Ngọc Khánh                                             |                                          |                     | Con                              | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.09 | DCL            | Phạm Khánh Hà                                               |                                          |                     | Con                              | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.10 | DCL            | Nguyễn Văn Lan                                              |                                          |                     | Bố vợ                            |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.11 | DCL            | Nguyễn Thị Thất                                             |                                          |                     | Mẹ vợ                            |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.12 | DCL            | Nguyễn Văn Hải                                              |                                          |                     | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.13 | DCL            | Nguyễn Thị Phương                                           |                                          |                     | Chị vợ                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 5.14 | DCL            | Công ty Cổ phần Tập đoàn Big One                            |                                          |                     | Phó Tổng Giám đốc                | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 6    | DCL            | Ngô Thu Trang                                               |                                          | Trưởng BKS          |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 1000                       | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 6.01 | DCL            | Ngô Văn Sơn                                                 |                                          |                     | Bố                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 6.02 | DCL            | Tiêu Thị Lanh                                               |                                          |                     | Mẹ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 6.03 | DCL            | Ngô Xuân Thái                                               |                                          |                     | Em ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 6.04 | DCL            | Khương Thị Hà                                               |                                          |                     | Em dâu                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 6.05 | DCL            | Công ty cổ phần FIT Cosmetics                               |                                          |                     | Tổng Giám đốc                    | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 6.06 | DCL            | Công ty cổ phần Đầu Tư Bất động sản F.L.T                   |                                          |                     | Trưởng BKS                       | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |
| 6.07 | DCL            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |                                          |                     | TV BKS                           | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                             |

| STT  | Mã chứng khoán | Họ tên                                                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty      | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|----------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 7    | DCL            | Lê Thị Thương                                               |                                          | Thành viên Ban kiểm soát |                                  |                                           |             |                   |         |                                      | 1027                       | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.01 | DCL            | Lê Văn Quý                                                  |                                          |                          | Bố                               |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.02 | DCL            | Lê Thị Huyền                                                |                                          |                          | Chị                              |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.03 | DCL            | Lê Thị Trang                                                |                                          |                          | Chị                              |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.04 | DCL            | Lê Văn Quỳnh                                                |                                          |                          | Anh                              |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.05 | DCL            | Vũ Đức Mạnh                                                 |                                          |                          | Anh rể                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.06 | DCL            | Lê Văn Hưng                                                 |                                          |                          | Anh rể                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.07 | DCL            | Viên Thị Thủy                                               |                                          |                          | Chị dâu                          |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.08 | DCL            | Lương Văn Dương                                             |                                          |                          | Chồng                            |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.09 | DCL            | Lương Trắc Kính                                             |                                          |                          | Bố chồng                         |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.10 | DCL            | Lương Thị Lịch                                              |                                          |                          | Mẹ chồng                         |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.11 | DCL            | Lương Trắc Bình                                             |                                          |                          | Anh chồng                        |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.12 | DCL            | Lương Thị Hiền                                              |                                          |                          | Chị chồng                        |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.13 | DCL            | Công ty Cổ phần FIT Consumer                                |                                          |                          | Kế toán trưởng                   |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.14 | DCL            | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |                                          |                          | Tổng Giám đốc                    |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.15 | DCL            | Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín                    |                                          |                          | Kế toán trưởng                   |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.16 | DCL            | Công ty Cổ phần Hạt giống TSC                               |                                          |                          | Kế toán trưởng                   |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.17 | DCL            | Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ         |                                          |                          | Kế toán trưởng                   |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 7.18 | DCL            | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas                       |                                          |                          | TV BKS                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8    | DCL            | Phạm Thị Huệ                                                |                                          | Thành viên Ban kiểm soát |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.01 | DCL            | Phạm Văn Định                                               |                                          |                          | Bố                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.02 | DCL            | Hoàng Thị Hiền                                              |                                          |                          | Mẹ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.03 | DCL            | Nguyễn Trọng Đại                                            |                                          |                          | Chồng                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.04 | DCL            | Phạm Thị Huyền                                              |                                          |                          | Chị gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.05 | DCL            | Phạm Xuân Trường                                            |                                          |                          | Anh trai                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |

| STT  | Mã chứng khoán | Họ tên                                                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|----------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 8.06 | DCL            | Nguyễn Văn Luật                                             |                                          |                     | Bố chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.07 | DCL            | Nguyễn Thị Khury                                            |                                          |                     | Mẹ chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.08 | DCL            | Nguyễn Thị Hương                                            |                                          |                     | Chị chồng                        | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.09 | DCL            | Công Ty Cổ Phần FIT Consumer                                |                                          |                     | TV BKS                           | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.10 | DCL            | Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Benovas                           |                                          |                     | TV BKS                           | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 8.11 | DCL            | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |                                          |                     | TV HĐQT                          | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9    | DCL            | Nguyễn Thị Thu Hương                                        |                                          | TGĐ, người ĐDPL     |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.01 | DCL            | Nguyễn Tuấn Hợp                                             |                                          |                     | Bố ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.02 | DCL            | Đỗ Thị Hào                                                  |                                          |                     | Mẹ ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.03 | DCL            | Vũ Tú Nam                                                   |                                          |                     | Chồng                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.04 | DCL            | Vũ Xuân Huy Hoàng                                           |                                          |                     | Con đẻ                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.05 | DCL            | Vũ Xuân Huy Khánh                                           |                                          |                     | Con đẻ                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.06 | DCL            | Nguyễn Thị Hoa                                              |                                          |                     | Chị ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.07 | DCL            | Nguyễn Tuấn Dương                                           |                                          |                     | Em ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.08 | DCL            | Nguyễn Nhật Anh                                             |                                          |                     | Em dâu                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.09 | DCL            | Vũ Văn Hải                                                  |                                          |                     | Bố chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.10 | DCL            | Nguyễn Thị Mai                                              |                                          |                     | Mẹ chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.11 | DCL            | Vũ Duy Tiến                                                 |                                          |                     | Em chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.12 | DCL            | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T                              |                                          |                     | Trưởng BKS                       | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 42.402.616                 | 58,05%                        | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.13 | DCL            | Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas                           |                                          |                     | TGĐ, người ĐDPL                  | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.14 | DCL            | Công ty cổ phần FIT Cosmetics                               |                                          |                     | Trưởng BKS                       | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 9.15 | DCL            | Công ty cổ phần Đầu Tư Bất động sản F.I.T                   |                                          |                     | Trưởng BKS                       | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |

| STT   | Mã chứng khoán | Họ tên                                                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nền cổ) | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|----------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 9.16  | DCL            | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |                                          |                     | TGD, người ĐDPL                  | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/05/2025                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10    | DCL            | Nguyễn Trọng Đức                                            |                                          | Phó TGD SX&SC       |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.01 | DCL            | Nguyễn Hồng Trường                                          |                                          |                     | Bố                               |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.02 | DCL            | Đặng Thị Diệu                                               |                                          |                     | Mẹ                               |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.03 | DCL            | Nguyễn Trọng Ân                                             |                                          |                     | Anh trai                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.04 | DCL            | Nguyễn Thị Thanh Bình                                       |                                          |                     | Chị gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.05 | DCL            | Nguyễn Thị Thanh Lan                                        |                                          |                     | Em gái                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.06 | DCL            | Nguyễn Thị Thanh Vân                                        |                                          |                     | Vợ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.07 | DCL            | Nguyễn Trọng Hiếu                                           |                                          |                     | Con trai                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.08 | DCL            | Nguyễn Phương Thảo                                          |                                          |                     | Con gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.09 | DCL            | Phạm Thị Quang                                              |                                          |                     | Mẹ vợ                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.10 | DCL            | Nguyễn Văn Tuấn                                             |                                          |                     | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.11 | DCL            | Công ty Cổ phần TBYT Benovas                                |                                          |                     | PTGD                             | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 10.12 | DCL            | Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas                           |                                          |                     | PTGD                             | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 06/09/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11    | DCL            | Nguyễn Lâm Minh Thương                                      |                                          | Giám đốc tài chính  |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.01 | DCL            | Nguyễn Duy Dương                                            |                                          |                     | Ba ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.02 | DCL            | Lâm Ngọc Lý                                                 |                                          |                     | Mẹ ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.03 | DCL            | Ngô Thành Thia                                              |                                          |                     | Chồng                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.04 | DCL            | Ngô Minh Thy                                                |                                          |                     | Con đẻ                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.05 | DCL            | Ngô Thy Vân                                                 |                                          |                     | Con đẻ                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.06 | DCL            | Nguyễn Lâm Minh Phương                                      |                                          |                     | Chị ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.07 | DCL            | Nguyễn Lâm Minh Xuân                                        |                                          |                     | Chị ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.08 | DCL            | Nguyễn Lâm Duy Linh                                         |                                          |                     | Em ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.09 | DCL            | Trần Thanh Dũng                                             |                                          |                     | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.10 | DCL            | Trần Tấn Phúc                                               |                                          |                     | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 11.11 | DCL            | Công ty cổ phần Thiết bị y tế Benovas                       |                                          |                     | Giám đốc tài chính               | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |

| STT   | Mã chứng khoán | Họ tên                            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty                      | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khí phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|----------------|-----------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 11.12 | DCL            | Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas |                                          |                                          | Giám đốc tài chính               | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12    | DCL            | Bàì Thị Mỹ Đang                   |                                          | Kế toán trưởng                           |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.01 | DCL            | Bùi Văn Ứng                       |                                          |                                          | Bố (đã mất)                      |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.02 | DCL            | Nguyễn Thị Ngọc Dung              |                                          |                                          | Mẹ đẻ                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.03 | DCL            | Phạm Thanh Tùng                   |                                          |                                          | Bố chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.04 | DCL            | Nguyễn Thị Thủy                   |                                          |                                          | Mẹ chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.05 | DCL            | Phạm Văn Ninh                     |                                          |                                          | Chồng                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.06 | DCL            | Phạm Ngọc Khánh My                |                                          |                                          | Con đẻ                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.07 | DCL            | Phạm Ngọc Khả My                  |                                          |                                          | Con đẻ                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.08 | DCL            | Bùi Văn Hai                       |                                          |                                          | Anh ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.09 | DCL            | Bàì Thị Oanh                      |                                          |                                          | Chị ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.10 | DCL            | Bàì Thị Tuyết Loan                |                                          |                                          | Chị ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.11 | DCL            | Bàì Hồng Hiếu                     |                                          |                                          | Anh ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.12 | DCL            | Bàì Thanh Đàm                     |                                          |                                          | Anh ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.13 | DCL            | Bàì Thanh Đàm                     |                                          |                                          | Anh ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.14 | DCL            | Nguyễn Thị Thủy Linh              |                                          |                                          | Chị dâu                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.15 | DCL            | Nguyễn Phương Khanh               |                                          |                                          | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.16 | DCL            | Đỗ Trí Tuấn                       |                                          |                                          | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.17 | DCL            | Nguyễn Thị Thu Thủy               |                                          |                                          | Chị dâu                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.18 | DCL            | Lê Thị Thanh Diễm                 |                                          |                                          | Chị dâu                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 12.19 | DCL            | Bàì Minh Loan                     |                                          |                                          | Chị dâu                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 29/11/2024                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 13    | DCL            | Nguyễn Ngọc Bích Ly               |                                          | Người được UQ CBTT, người PT quản trị ty |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 13.01 | DCL            | Nguyễn Ngọc Sang                  |                                          |                                          | Cha (mất)                        |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 13.02 | DCL            | Nguyễn Thị Miêu                   |                                          |                                          | Mẹ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 13.03 | DCL            | Nguyễn Văn Tinh                   |                                          |                                          | Cha chồng                        | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 13.04 | DCL            | Phan Thị Ngọc Thương              |                                          |                                          | Mẹ chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |

| STT   | Mã chứng khoán | Họ tên                            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|----------------|-----------------------------------|------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 13.05 | DCL            | Nguyễn Tiến Luật                  |                                          |                     | Anh                              | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 13.06 | DCL            | Trần Thị Thu Cúc                  |                                          |                     | Chị dâu                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 13.07 | DCL            | Nguyễn Nhã Yến                    |                                          |                     | Con                              | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 13.08 | DCL            | Nguyễn Thanh Phong                |                                          |                     | Chồng                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/05/2014                                                        |                                                                     |                                                           |                                                            |
| 14    | DCL            | Nguyễn Thị Thu Hương              |                                          | Trưởng BKS          |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐTN 2025 ngày 25/4/2025             |                                                            |
| 14.01 | DCL            | Nguyễn Tuấn Hợp                   |                                          |                     | Bố ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.02 | DCL            | Đỗ Thị Hào                        |                                          |                     | Mẹ ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.03 | DCL            | Vũ Tú Nam                         |                                          |                     | Chồng                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.04 | DCL            | Vũ Xuân Huy Hoàng                 |                                          |                     | Con đẻ                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.05 | DCL            | Vũ Xuân Huy Khánh                 |                                          |                     | Con đẻ                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.06 | DCL            | Nguyễn Thị Hoa                    |                                          |                     | Chị ruột                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.07 | DCL            | Nguyễn Tuấn Dương                 |                                          |                     | Em ruột                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.08 | DCL            | Nguyễn Nhật Anh                   |                                          |                     | Em dâu                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.09 | DCL            | Vũ Văn Hải                        |                                          |                     | Bố chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.10 | DCL            | Nguyễn Thị Mai                    |                                          |                     | Mẹ chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.11 | DCL            | Vũ Duy Tiến                       |                                          |                     | Em chồng                         | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.12 | DCL            | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T    |                                          |                     | Trưởng BKS                       | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 42.402.616                 | 58,05%                        | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.13 | DCL            | Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Benovas |                                          |                     | TGD                              | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.14 | DCL            | Công ty cổ phần FIT Cosmetics     |                                          |                     | Trưởng BKS                       | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |

| STT   | Mã chứng khoán | Họ tên                                                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty      | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|----------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 14.15 | DCL            | Công ty cổ phần Đầu Tư Bất động sản F.I.T                   |                                          |                          | Trưởng BKS                       | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 14.16 | DCL            | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte |                                          |                          | Trưởng BKS                       | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 25/04/2024                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 15    | DCL            | Phan Thị Hòa                                                |                                          | Thành viên Ban kiểm soát |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm theo NQ ĐHCĐ/TN 2025 ngày 25/4/2025            |                                                            |
| 15.01 | DCL            | Phan Văn Lễ                                                 |                                          |                          | Bố                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 15.02 | DCL            | Bùi Thị Chiểu                                               |                                          |                          | Mẹ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 15.03 | DCL            | Phan Văn Thông                                              |                                          |                          | Anh trai                         | CMND                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 15.04 | DCL            | Phan Thị Thuận                                              |                                          |                          | Chị gái                          | CMND                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 15.05 | DCL            | Phan Minh Nhật                                              |                                          |                          | Con trai                         |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 15.06 | DCL            | Phan Minh Tân                                               |                                          |                          | Con trai                         |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 15.07 | DCL            | Lê Thị Quý                                                  |                                          |                          | Chị dâu                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 15.08 | DCL            | Nguyễn Tăng Thường                                          |                                          |                          | Anh rể                           | CMND                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 14/06/2022                                                        | 25/04/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16    | DCL            | Nguyễn Văn Bàn                                              |                                          | TGD, Người ĐDPL          |                                  | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm theo NQ của HĐQT, hiệu lực 01/5/2025           |                                                            |
| 16.01 | DCL            | Nguyễn Văn Bàn                                              |                                          |                          | Bố                               |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.02 | DCL            | Trần Thị Phụng                                              |                                          |                          | Mẹ                               |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.03 | DCL            | Nguyễn Thị Kim Dung                                         |                                          |                          | Chị gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.04 | DCL            | Lương Văn Hào                                               |                                          |                          | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.05 | DCL            | Nguyễn Thị Thu Giang                                        |                                          |                          | Chị gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |

| STT   | Mã chứng khoán | Họ tên                         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|----------------|--------------------------------|------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 16.06 | DCL            | Lương Khắc Vui                 |                                          |                     | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.07 | DCL            | Nguyễn Thị Cao San             |                                          |                     | Chị Gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.08 | DCL            | Nguyễn Mạnh Huy                |                                          |                     | Anh rể                           |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.09 | DCL            | Nguyễn Thị Thanh Bằng          |                                          |                     | Chị gái                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.10 | DCL            | Vũ Đức Huỳnh                   |                                          |                     | Anh rể                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.11 | DCL            | Nguyễn Thị Thu Thảo            |                                          |                     | Em gái                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.12 | DCL            | Vũ Xuân Hùng                   |                                          |                     | Em rể                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.13 | DCL            | Nguyễn Văn Luận                |                                          |                     | Em trai                          | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.14 | DCL            | Thân Thị Thanh Thủy            |                                          |                     | Chị vợ                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.15 | DCL            | Thân Văn Lợi                   |                                          |                     | Anh vợ                           | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.16 | DCL            | Thân Thị Thu Hiền              |                                          |                     | Em vợ                            | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.17 | DCL            | Thân Thị Thanh Huyền           |                                          |                     | Vợ                               | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.18 | DCL            | Nguyễn Phương Linh             |                                          |                     | Con                              | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.19 | DCL            | Nguyễn Huyền Anh               |                                          |                     | Con                              | CCCD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.20 | DCL            | Nguyễn Minh Châu               |                                          |                     | Con                              |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.21 | DCL            | Nguyễn Huyền Trang             |                                          |                     | Con                              |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.22 | DCL            | Nguyễn Hoàng Yến               |                                          |                     | Con                              |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.23 | DCL            | Nguyễn Văn Bách                |                                          |                     | Con                              |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.24 | DCL            | Nguyễn Văn Bảo                 |                                          |                     | Con                              |                                           |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.25 | DCL            | Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T |                                          |                     | Tổng Giám đốc                    | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 42.402.616                 | 58,05%                        | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |

| STT   | Mã chứng khoán | Họ tên                                                | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty | Mối quan hệ đối với người nội bộ   | Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD) | Số giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-------|----------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|-------------|-------------------|---------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 16.26 | DCL            | Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas                 |                                          |                     | Chủ tịch HĐQT                      | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.27 | DCL            | Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây |                                          |                     | Thành viên HĐQT                    | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.28 | DCL            | Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang                    |                                          |                     | Thành viên HĐQT                    | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.29 | DCL            | Công ty Cổ phần Hạt giống TSC                         |                                          |                     | Chủ tịch HĐQT                      | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |
| 16.30 | DCL            | Công ty Cổ phần Đầu tư JJK Holdings                   |                                          |                     | Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc | ĐKKD                                      |             |                   |         |                                      | 0                          | 0                             | 01/08/2024                                                        | 01/05/2025                                                          | Miễn nhiệm NNB                                            |                                                            |

Người được UQ CBTT



Nguyễn Ngọc Bích Ly